

CỤC THỐNG KÊ
THỐNG KÊ TỈNH QUẢNG NGÃI

Số: 76/QĐ-TKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai điều chỉnh, giao dự toán ngân sách nhà nước
năm 2025 của Thống kê tỉnh Quảng Ngãi**

TRƯỞNG THỐNG KÊ TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 912/QĐ-CTK ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Cục trưởng Cục Thống kê quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc Cục Thống kê thuộc Cục Thống kê;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1191/QĐ-CTK ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Cục trưởng Cục Thống kê về việc điều chỉnh, giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Kế toán trưởng Thống kê tỉnh Quảng Ngãi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai điều chỉnh, giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Thống kê tỉnh Quảng Ngãi (*chi tiết tại các biểu đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính Thống kê tỉnh Quảng Ngãi và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Thống kê (báo cáo);
- Lãnh đạo TKT;
- Lưu: VT, KT.

TRƯỞNG THỐNG KÊ



Võ Thành Nhân

Biểu số 6 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **Thống kê tỉnh Quảng Ngãi**

Chương: **018**

**DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO
CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 76/QĐ-CSTK ngày 27/10/2025 của Thống kê tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	B	I
I	Nguồn ngân sách trong nước	5.482.000
1	Chi quản lý hành chính	5.467.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-386.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	5.853.000
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	15.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	15.000